

Số: 90 /BC-HĐND

An Giang, ngày 01 tháng 12 năm 2020

**BÁO CÁO**

**Thẩm tra về nhiệm vụ kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025  
(Lĩnh vực kinh tế - ngân sách)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 13 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025;

Qua xem xét Tờ trình số 662/TTr-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về nhiệm vụ kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025.

Ban Kinh tế - ngân sách trình Hội đồng nhân dân tỉnh ý kiến như sau:

1. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 kèm theo Tờ trình số 662/TTr-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2020 được Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI nhiệm kỳ 2020 - 2025 diễn ra từ ngày 23 tháng 9 năm 2020 đến ngày 25 tháng 9 năm 2020 tại thành phố Long Xuyên (gọi tắt là Nghị quyết Đảng bộ).

Những nội dung Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 và Định hướng phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 cơ bản bám sát theo Nghị quyết Đảng bộ đã được thông qua.

2. Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh tán thành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 (lĩnh vực kinh tế - ngân sách) theo nội dung Tờ trình số 662/TTr-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Việc ban hành Nghị quyết thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Ban Kinh tế - ngân sách trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Ban Thường trực UBMTTQ VN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Tổng hợp-Huy.

**TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH**  
**TRƯỞNG BAN**



*[Handwritten signature]*

**Phan Thanh Tùng**



Số: 91 /BC-HĐND

An Giang, ngày 01 tháng 12 năm 2020

## **BÁO CÁO**

### **Thẩm tra về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước tỉnh An Giang năm 2019**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của  
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính  
phủ ban hành quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa  
phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính -  
ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa  
phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ  
trưởng Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo, và tổng hợp quyết  
toán năm;

Qua xem xét Tờ trình số 674/TTr-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2020 của  
Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước tỉnh An  
Giang năm 2019,

Ban Kinh tế - ngân sách trình Hội đồng nhân dân tỉnh ý kiến như sau:

#### **I. Về trình tự, thủ tục quyết toán ngân sách nhà nước năm 2019:**

Công tác quyết toán ngân sách nhà nước 2019 theo Báo cáo số 658/BC-  
UBND ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quyết toán  
thu, chi ngân sách nhà nước tỉnh An Giang năm 2019 được thực hiện theo quy  
định tại Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ  
trưởng Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo, và tổng hợp quyết  
toán năm.

#### **II. Kết quả thực hiện ngân sách nhà nước 2019:**

##### **1. Thu ngân sách nhà nước (NSNN):**

a) Tổng thu NSNN từ kinh tế trên địa bàn	:	<b>7.186.188 triệu đồng.</b>
- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	:	506.586 triệu đồng.
- Thu nội địa	:	6.679.602 triệu đồng.

b) Tổng thu ngân sách địa phương : **19.703.147 triệu đồng.**  
(không bao gồm thu chuyển giao giữa các cấp ngân sách)

- Các khoản thu hưởng 100% và điều tiết : 6.123.736 triệu đồng.
- Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương : 8.856.500 triệu đồng.
- Thu kết dư ngân sách : 791.502 triệu đồng.
- Thu chuyển nguồn : 3.920.579 triệu đồng.
- Thu vay : 10.830 triệu đồng.

**2. Tổng chi ngân sách : 19.213.229 triệu đồng.**  
(không bao gồm chi chuyển giao giữa các cấp ngân sách)

- a) Chi cân đối ngân sách : 12.953.566 triệu đồng.
- Chi đầu tư phát triển : 2.978.115 triệu đồng.
- Chi thường xuyên : 9.974.281 triệu đồng.
- Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính : 1.170 triệu đồng.
- b) Chi các chương trình mục tiêu : 1.644.783 triệu đồng.
- Chi các chương trình mục tiêu quốc gia : 220.151 triệu đồng.
- + Vốn đầu tư : 151.519 triệu đồng.
- + Vốn sự nghiệp : 68.632 triệu đồng.
- Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ khác: 1.424.632 triệu đồng.
- + Vốn đầu tư : 1.396.143 triệu đồng.
- + Vốn sự nghiệp : 28.489 triệu đồng.
- c) Chi chuyển nguồn sang năm sau : 4.489.413 triệu đồng.
- d) Chi nộp ngân sách trung ương : 6.548 triệu đồng.
- e) Chi trả nợ vay chương trình dân cư vượt lũ, : 118.919 triệu đồng.  
kiên cố hóa kênh mương

**3. Kết dư ngân sách địa phương : 489.918 triệu đồng.**

- a) Kết dư ngân sách cấp tỉnh : 11.526 triệu đồng.
- b) Kết dư ngân sách cấp huyện : 365.123 triệu đồng.
- c) Kết dư ngân sách cấp xã : 113.269 triệu đồng.

#### **4. Xử lý kết dư ngân sách:**

a) Số kết dư ngân sách cấp huyện và cấp xã năm 2019 được hạch toán vào thu ngân sách năm 2020 để sử dụng.

b) Số kết dư ngân sách cấp tỉnh là 11.526 triệu đồng được phân bổ như sau: trích 50% là 5.763 triệu đồng chuyển vào Quỹ dự trữ tài chính tỉnh, 50% còn lại là 5.763 triệu đồng hạch toán vào thu ngân sách cấp tỉnh năm 2020 để sử dụng.



**III. Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất với nội dung** Tờ trình số 674/TTr-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh và dự thảo Nghị quyết về phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước tỉnh An Giang năm 2019.

Tuy nhiên, Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm thực hiện một số nội dung sau:

- Tiếp tục thực hiện xử lý dứt điểm các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX theo các Báo cáo kiểm toán ngân sách địa phương năm 2016, năm 2018 tỉnh An Giang.

- Chỉ đạo các sở, ngành và địa phương thực hiện nghiêm các quy định pháp luật về ngân sách nhà nước.

- Số chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau còn cao. Do đó, đề nghị có giải pháp hạn chế việc chi chuyển nguồn ngân sách cuối năm tránh lãng phí nguồn vốn trong điều kiện ngân sách tỉnh còn khó khăn.

- Tuân thủ trình tự quyết toán theo Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật ngân sách nhà nước và thời hạn gửi Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh theo quy định tại Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định thời hạn phê chuẩn quyết toán ngân sách cấp xã, cấp huyện và thời hạn Ủy ban nhân dân gửi báo cáo quyết toán ngân sách hàng năm.

Nội dung dự thảo Nghị quyết phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Việc xem xét ban hành Nghị quyết về phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước tỉnh An Giang năm 2019 thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Ban Kinh tế - ngân sách trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Ban Thường trực UBMTTQ VN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Tổng hợp-Huy.



**Phan Thanh Tùng**



Số: 92 /BC-HĐND

An Giang, ngày 01 tháng 12 năm 2020

**BÁO CÁO**

**Thẩm tra về việc phê chuẩn dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn,  
thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương  
tỉnh An Giang năm 2021**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ Ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Thông tư số 71/2020/TT-BTC ngày 30 tháng 07 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2021 - 2023;

Qua xem xét Tờ trình số 739/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê chuẩn dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương tỉnh An Giang năm 2021 và Báo cáo số 738/BC-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đánh giá tình hình thực hiện ngân sách nhà nước năm 2020, dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 và Kế hoạch tài chính 05 năm 2021 - 2025 tỉnh An Giang,

Ban Kinh tế - ngân sách trình Hội đồng nhân dân tỉnh ý kiến như sau:

Việc xây dựng dự toán ngân sách nhà nước (NSNN) theo Báo cáo số 738/BC-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh được thực hiện theo hướng dẫn tại Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước, Thông tư số 71/2020/TT-BTC ngày 30 tháng 07 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2021 - 2023.

Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất theo nội dung Tờ trình số 739/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh



về việc phê chuẩn dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương tỉnh An Giang năm 2021, cụ thể như sau:

**I. Dự toán thu NSNN trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương:**

1. Tổng thu NSNN từ kinh tế trên địa bàn	:	6.863.000 triệu đồng.
- Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	:	184.000 triệu đồng.
- Thu nội địa	:	6.679.000 triệu đồng.
2. Thu, chi ngân sách địa phương:		
a) Tổng thu ngân sách địa phương	:	15.142.655 triệu đồng.
- Thu cân đối ngân sách	:	12.916.030 triệu đồng.
+ Thu từ kinh tế trên địa bàn	:	6.023.800 triệu đồng.
+ Thu bổ sung cân đối từ ngân sách Trung ương	:	6.240.711 triệu đồng.
+ Thu bổ sung tiền lương	:	651.519 triệu đồng.
- Thu bổ sung mục tiêu từ ngân sách Trung ương	:	2.021.825 triệu đồng.
- Bội chi ngân sách địa phương	:	204.800 triệu đồng.
b) Tổng chi ngân sách địa phương	:	15.142.655 triệu đồng.
- Chi cân đối ngân sách địa phương	:	12.916.030 triệu đồng.
+ Chi đầu tư phát triển	:	3.477.380 triệu đồng.
+ Chi thường xuyên	:	9.163.760 triệu đồng.
+ Chi trả lãi vay	:	15.400 triệu đồng.
+ Chi bổ sung Quỹ Dự trữ tài chính	:	1.170 triệu đồng.
+ Dự phòng ngân sách	:	258.320 triệu đồng.
- Chi từ nguồn trung ương bổ sung có mục tiêu	:	2.021.825 triệu đồng.
- Chi đầu tư từ nguồn Bội chi ngân sách địa phương:	:	204.800 triệu đồng.

**II. Phân bổ ngân sách địa phương như sau:**

1. Thu ngân sách địa phương theo các cấp ngân sách như sau:		
a) Cấp tỉnh	:	8.323.658 triệu đồng.
- Thu cân đối ngân sách từ kinh tế trên địa bàn	:	4.322.038 triệu đồng.
- Thu bổ sung cân đối và tiền lương từ NS cấp trên	:	1.946.447 triệu đồng.
- Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	:	1.850.373 triệu đồng.
- Bội chi ngân sách địa phương	:	204.800 triệu đồng.
b) Cấp huyện	:	5.692.611 triệu đồng.
- Thu cân đối ngân sách từ kinh tế trên địa bàn	:	1.523.268 triệu đồng.
- Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	:	3.997.891 triệu đồng.
- Thu bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	:	171.452 triệu đồng.
c) Cấp xã	:	1.126.386 triệu đồng.
- Thu cân đối ngân sách từ kinh tế trên địa bàn	:	178.494 triệu đồng.
- Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	:	947.892 triệu đồng.

2. Chi ngân sách địa phương theo các cấp ngân sách như sau:

a) Cấp tỉnh	:	8.323.658 triệu đồng.
- Chi cân đối ngân sách	:	6.268.485 triệu đồng.
+ Chi đầu tư phát triển	:	3.001.663 triệu đồng.
+ Chi thường xuyên	:	3.122.778 triệu đồng.
+ Chi trả nợ lãi vay	:	15.400 triệu đồng.
+ Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	:	1.170 triệu đồng.
+ Dự phòng ngân sách	:	127.474 triệu đồng.
- Chi từ nguồn trung ương bổ sung có mục tiêu	:	1.850.373 triệu đồng.
- Chi đầu tư từ nguồn Bội chi NS địa phương	:	204.800 triệu đồng.
b) Cấp huyện	:	5.692.611 triệu đồng.
- Chi cân đối ngân sách	:	5.521.159 triệu đồng.
+ Chi đầu tư phát triển	:	475.717 triệu đồng.
+ Chi thường xuyên	:	4.936.616 triệu đồng.
+ Dự phòng ngân sách	:	108.826 triệu đồng.
- Chi từ nguồn trung ương bổ sung có mục tiêu	:	171.452 triệu đồng.
c) Cấp xã	:	1.126.386 triệu đồng.
- Chi thường xuyên	:	1.104.366 triệu đồng.
- Dự phòng ngân sách	:	22.020 triệu đồng.

3. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách tỉnh cho ngân sách cấp huyện; phương án phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương; mức phân bổ ngân sách cấp tỉnh về chi thường xuyên cho các đơn vị hành chính sự nghiệp, các đơn vị khác thuộc ngân sách tỉnh; mức bổ sung từ ngân sách tỉnh cho ngân sách cấp huyện theo Báo cáo số 738/BC-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Nội dung dự thảo Nghị quyết phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Việc xem xét ban hành Nghị quyết phê chuẩn dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương tỉnh An Giang năm 2021 thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Ban Kinh tế - ngân sách trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. / (v)

**Nơi nhận:**

- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Ban Thường trực UBMTTQ VN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Tổng hợp-Huy.



**TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH  
TRƯỞNG BAN**

**Phan Thanh Tùng**



Số: 93 /BC-HĐND

An Giang, ngày 01 tháng 12 năm 2020

### **BÁO CÁO**

#### **Thẩm tra về việc phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2021 nguồn vốn ngân sách trung ương và nguồn vốn ngân sách địa phương**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Thông tư số 71/2020/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, kế hoạch tài chính ngân sách nhà nước 03 năm 2021 - 2023;

Căn cứ Công văn số 6842/BKHĐT-TH ngày 16 tháng 10 năm 2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc phân bổ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2021;

Qua xem xét Tờ trình số 737/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2021 nguồn vốn ngân sách trung ương và nguồn vốn ngân sách địa phương.

Ban Kinh tế - ngân sách trình Hội đồng nhân dân tỉnh ý kiến như sau:

1. Thống nhất phương án phân bổ và danh mục các dự án bố trí kế hoạch đầu tư công năm 2021 nguồn vốn ngân sách trung ương và nguồn vốn ngân sách



địa phương theo nội dung Tờ trình số 737/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Nội dung dự thảo Nghị quyết phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Việc xem xét, ban hành Nghị quyết về việc phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2021 nguồn vốn ngân sách trung ương và nguồn vốn ngân sách địa phương thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Ban Kinh tế - ngân sách trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Ban Thường trực UBMTTQ VN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Tổng hợp-Huy.



**TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH  
TRƯỞNG BAN**

**Phan Thanh Tùng**



Số: 94/BC-HĐND

An Giang, ngày 01 tháng 12 năm 2020

**BÁO CÁO**

**Thẩm tra Dự thảo Nghị quyết về việc tổng mức vay, kế hoạch vay, trả nợ của ngân sách tỉnh An Giang năm 2021**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý nợ công ngày 23 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 93/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ Quy định về quản lý nợ của chính quyền địa phương;

Qua xem xét Tờ trình số 736/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tổng mức vay, kế hoạch vay, trả nợ của ngân sách tỉnh An Giang năm 2021,

Ban Kinh tế - ngân sách trình Hội đồng nhân dân tỉnh ý kiến như sau:

1. Dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2021 là 6.023.800 triệu đồng; chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2021 là 9.163.760 triệu đồng (không bao gồm các khoản vốn sự nghiệp được bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương).

2. Tổng mức dư nợ vay của ngân sách tỉnh theo khoản c, điểm 6, Điều 7 Luật Ngân sách nhà nước: Số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp nhỏ hơn chi thường xuyên ngân sách địa phương, theo đó mức dư nợ vay của ngân sách tỉnh không vượt quá 20% số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp là 1.204.760 triệu đồng (6.023.800 x 20%).

3. Thống nhất với nội dung Tờ trình số 736/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh và dự thảo nghị quyết về việc tổng mức vay, kế hoạch vay, trả nợ của ngân sách tỉnh An Giang năm 2021.

Tuy nhiên, Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý, kiểm soát chặt chẽ, sử dụng vốn vay một cách hiệu quả, tránh thất thoát, lãng phí; đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đảm bảo theo quy định của pháp luật. Ngoài kế hoạch trả nợ hàng năm, cần ưu tiên bố trí vốn trả nợ từ nguồn kết dư ngân sách nhằm giảm bớt gánh nặng nợ công cho tỉnh.



4. Nội dung dự thảo nghị quyết phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Việc xem xét, ban hành Nghị quyết về việc tổng mức vay, kế hoạch vay, trả nợ của ngân sách tỉnh An Giang năm 2021 thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Ban Kinh tế - ngân sách trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Ban Thường trực UBMTTQ VN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Tổng hợp-Ng.



**TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH  
TRƯỞNG BAN**

**Phan Thanh Tùng**



Số: 95 /BC-HĐND

An Giang, ngày 01 tháng 12 năm 2020

**BÁO CÁO**

**Thẩm tra về việc điều chỉnh tổng mức vay,  
kế hoạch vay, trả nợ của ngân sách tỉnh An Giang năm 2020**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý nợ công ngày 23 tháng 11 năm 2017;

Qua xem xét Tờ trình số 721/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh tổng mức vay, kế hoạch vay, trả nợ của ngân sách tỉnh An Giang năm 2020,

Ban Kinh tế - ngân sách trình Hội đồng nhân dân tỉnh ý kiến như sau:

1. Theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về tổng mức vay, kế hoạch vay, trả nợ của ngân sách tỉnh An Giang năm 2020:

- Tổng dư nợ đầu năm:	284.230 triệu đồng.
- Tổng mức vay trong năm:	212.500 triệu đồng.
- Trả nợ gốc trong năm 2020:	90.100 triệu đồng.
- Dư nợ cuối năm:	406.630 triệu đồng.

Trong quá trình thực hiện kế hoạch vay, trả nợ của ngân sách tỉnh An Giang năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh đã điều chỉnh giảm kế hoạch vay lại của Tiểu dự án Tăng cường khả năng thích ứng và quản lý nước cho vùng thượng nguồn sông Cửu Long, huyện An Phú, thuộc dự án Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững đồng bằng sông Cửu Long số tiền 2.570 triệu đồng; điều chỉnh tăng kế hoạch vay lại của dự án Cung cấp trang thiết bị y tế Bệnh viện đa khoa khu vực Châu Đốc số tiền 2.570 triệu đồng.

Đồng thời, sau khi tổng hợp quyết toán ngân sách địa phương năm 2019 có bổ sung tăng 48.780 triệu đồng trả nợ vay trong năm 2020 từ kinh phí còn tồn ngân sách cấp tỉnh năm 2019 chuyển nguồn sang năm 2020, và mức dư nợ đầu năm 2020 là 277.430 triệu đồng (giảm 6.800 tỷ đồng).

Việc điều chỉnh Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh là phù hợp với quy định tại Điều 16 Luật Quản lý nợ công năm 2017.

2. Thống nhất với nội dung Tờ trình số 721/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh và dự thảo Nghị quyết về việc điều chỉnh tổng mức vay, kế hoạch vay, trả nợ của ngân sách tỉnh An Giang năm 2020.

Tuy nhiên, Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý, kiểm soát chặt chẽ, sử dụng vốn vay một cách hiệu quả, tránh thất thoát, lãng phí; đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đảm bảo theo quy định của pháp luật. Ngoài kế hoạch trả nợ hàng năm, cần ưu tiên bố trí vốn trả nợ từ nguồn kết dư ngân sách nhằm giảm bớt gánh nặng nợ công cho tỉnh.

3. Nội dung dự thảo Nghị quyết phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Việc xem xét, ban hành Nghị quyết điều chỉnh tổng mức vay, kế hoạch vay, trả nợ của ngân sách tỉnh An Giang năm 2020 thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Ban Kinh tế - ngân sách trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Ban Thường trực UBMTTQ VN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Tổng hợp-Huy.

**TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH  
TRƯỞNG BAN**



**Phan Thanh Tùng**



Số: 96 /BC-HĐND

An Giang, ngày 04 tháng 12 năm 2020

**BÁO CÁO**

**Thẩm tra Dự thảo Nghị quyết về kế hoạch tài chính 05 năm  
của tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2025**

- Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;
- Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;
- Căn cứ Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm;
- Căn cứ Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021 - 2025;
- Căn cứ Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm và Thông tư số 38/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2020, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2020 - 2022; kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giai đoạn 2021 - 2025;
- Căn cứ công văn số 13302/BTC-NSNN ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Bộ Tài chính về việc cho ý kiến đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ tài chính giai đoạn 2016 - 2020 và xây dựng Kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021 - 2025,



Qua xem xét Tờ trình số 726/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê chuẩn kế hoạch tài chính 05 năm của tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2025,

Ban Kinh tế - ngân sách trình Hội đồng nhân dân tỉnh ý kiến như sau:

I. Thống nhất với nội dung Tờ trình số 726/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh và dự thảo Nghị quyết về việc phê chuẩn kế hoạch tài chính 05 năm của tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2025 như sau:

1. Tổng thu NSNN từ kinh tế trên địa bàn	:	41.303 tỷ đồng.
- Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	:	1.345 tỷ đồng.
- Thu nội địa	:	39.958 tỷ đồng.
2. Thu, chi ngân sách địa phương	:	
a) Tổng thu ngân sách địa phương	:	81.420 tỷ đồng.
- Thu từ kinh tế trên địa bàn	:	35.849 tỷ đồng.
- Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương	:	45.571 tỷ đồng.
+ Thu bổ sung cân đối ngân sách	:	33.250 tỷ đồng.
+ Thu bổ sung mục tiêu	:	12.321 tỷ đồng.
b) Tổng chi ngân sách địa phương	:	81.420 tỷ đồng.
- Chi đầu tư phát triển	:	25.046 tỷ đồng.
- Chi thường xuyên	:	56.374 tỷ đồng.

3. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2025 và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh kế hoạch khi các mục tiêu, chỉ tiêu cơ bản của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021 - 2025 của địa phương thay đổi hoặc có yêu cầu cấp bách về quốc phòng, an ninh khiến cân đối ngân sách của địa phương, khả năng huy động các nguồn vốn có đột biến lớn.

II. Nội dung dự thảo nghị quyết phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Việc xem xét, ban hành Nghị quyết về kế hoạch tài chính 05 năm của tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2025 thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Ban Kinh tế - ngân sách trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Ban Thường trực UBMTTQ VN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Tổng hợp-Ng.

**TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH**  
**TRƯỞNG BAN**  
  
  
**Phan Thanh Tùng**



Số: 97/BC-HĐND

An Giang, ngày 01 tháng 12 năm 2020

## BÁO CÁO

### Thẩm tra Dự thảo Nghị quyết về việc kế hoạch vay, trả nợ 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 của ngân sách tỉnh An Giang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý nợ công ngày 23 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Nghị định số 93/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ Quy định về quản lý nợ của chính quyền địa phương;

Qua xem xét Tờ trình số 735/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc kế hoạch vay, trả nợ 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 của ngân sách tỉnh An Giang,

Ban Kinh tế - ngân sách trình Hội đồng nhân dân tỉnh ý kiến như sau:

I. Thống nhất với nội dung Tờ trình số 735/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc kế hoạch vay, trả nợ 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 của ngân sách tỉnh An Giang như sau:

1. Kế hoạch vay 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh theo nguồn vay trong nước, vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ và mục đích sử dụng:

Tổng mức vay 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 là 684.033 triệu đồng: Đây là khoản vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ, mức vay dự kiến theo tiến độ, nhu cầu thực hiện dự án và Hiệp định đã ký kết với nhà tài trợ nước ngoài để đầu tư các dự án.

2. Kế hoạch trả nợ vay 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 là 178.923 triệu đồng, sử dụng từ nguồn ngân sách địa phương.

II. Nội dung dự thảo nghị quyết phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Việc xem xét, ban hành Nghị quyết về việc kế hoạch vay, trả nợ 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 của ngân sách tỉnh An Giang thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Ban Kinh tế - ngân sách trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Ban thường trực UBMTTQ VN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Tổng hợp-Ng.

**TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH  
TRƯỞNG BAN**



**Phan Thanh Tùng**



Số: 98 /BC-HĐND

An Giang, ngày 01 tháng 12 năm 2020

### BÁO CÁO

**Thẩm tra Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND và Danh mục dự án có thu hồi đất, có sử dụng đất trồng lúa (không thu hồi đất) năm 2021**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Qua xem xét Tờ trình số 753/TTr-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND và Danh mục dự án có thu hồi đất, có sử dụng đất trồng lúa (không thu hồi đất) năm 2021,

Ban Kinh tế - ngân sách trình Hội đồng nhân dân tỉnh ý kiến như sau:

1. Thống nhất với nội dung Tờ trình số 753/TTr-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh và dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND và Danh mục dự án có thu hồi đất, có sử dụng đất trồng lúa (không thu hồi đất) năm 2021 như sau:

2. Hủy bỏ 13 dự án trong Danh mục dự án cần thu hồi đất và dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ năm 2018 ban hành kèm Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục dự án cần thu hồi đất và dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ năm 2018.

Do quá 03 năm chưa triển khai thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 6 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch.

3. Ban hành 02 Danh mục dự án có thu hồi đất và dự án sử dụng đất trồng lúa năm 2021 như sau:

- Gồm 35 dự án có thu hồi đất với tổng diện tích thu hồi là 3.228.953,1 m<sup>2</sup> (Ba triệu hai trăm hai mươi tám nghìn chín trăm năm mươi ba phẩy một mét vuông). Trong đó, có thu hồi đất trồng lúa 1.834.455,8 m<sup>2</sup> (Một triệu tám trăm ba mươi bốn nghìn bốn trăm năm mươi lăm phẩy tám mét vuông).

- Gồm 13 dự án có sử dụng đất trồng lúa (không thu hồi đất) với tổng diện tích sử dụng đất trồng lúa là 210.217,3 m<sup>2</sup> (Hai trăm mười nghìn hai trăm mười bảy phẩy ba mét vuông).

4. Nội dung dự thảo nghị quyết phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Việc xem xét, ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND và Danh mục dự án có thu hồi đất, có sử dụng đất trồng lúa (không thu hồi đất) năm 2021 thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Ban Kinh tế - ngân sách trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Ban Thường trực UBMTTQ VN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Tổng hợp-Ng.



**TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH  
TRƯỞNG BAN**

**Phan Thanh Tùng**



Số: 99 /BC-HĐND

An Giang, ngày 01 tháng năm 2020

**BÁO CÁO**

**Thẩm tra về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư chương trình và dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 và Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018, Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018, Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quyết định, điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B và dự án trọng điểm nhóm C sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020;

Qua xem xét Tờ trình số 715/TTr-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư chương trình và dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công,

Ban Kinh tế - ngân sách trình Hội đồng nhân dân tỉnh ý kiến như sau:

1. Thống nhất quyết định chủ trương đầu tư 07 dự án, với tổng mức đầu tư 3.100.091 triệu đồng (trong đó: nguồn vốn ngân sách trung ương là 1.622.242 triệu đồng, nguồn vốn ngân sách tỉnh là 1.360.013 triệu đồng).

*(Danh mục chi tiết theo Phụ lục số 01 đính kèm)*

2. Thống nhất điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư 01 chương trình và 07 dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công tại Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017, Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018, Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 và Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh với tổng mức đầu tư là 1.489.385 triệu đồng (trong đó nguồn vốn ngân sách trung ương là 551.482 triệu đồng, nguồn vốn ngân sách tỉnh là 664.288 triệu đồng).

*(Danh mục chi tiết theo Phụ lục số 02 đính kèm)*

Các danh mục dự án khác giữ nguyên theo danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017, Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018, Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 và Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quyết định, điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B và dự án trọng điểm nhóm C sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020.

Nội dung dự thảo Nghị quyết phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Việc xem xét, ban hành Nghị quyết quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Ban Kinh tế - ngân sách trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Ban Thường trực UBMTTQ VN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Tổng hợp-Huy.



**T.M. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH  
TRƯỞNG BAN**

**Phan Thanh Tùng**





**PHỤ LỤC 01**

**QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN NHÓM B SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG**

(Đính kèm Báo cáo số: 99 /BC-HĐND ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Ban Kinh tế - ngân sách HĐND tỉnh An Giang)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện	Dự kiến kế hoạch vốn bố trí
							Vốn NS TW hỗ trợ	Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thủy lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>3.100.091</b>	<b>1.622.242</b>	<b>1.360.013</b>	<b>0</b>	<b>117.836</b>			
<b>I</b>	<b>BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG</b>					<b>182.132</b>	<b>0</b>	<b>182.132</b>	<b>0</b>	<b>0</b>			
1	Đóng cửa, xử lý ô nhiễm môi trường các bãi rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh An Giang (xử lý 25 bãi rác ô nhiễm môi trường)	TC, CM, AP, CT, TB, TT, TS	Sở TNMT	Đóng cửa xử lý 25 bãi rác	Giải quyết được vấn đề chất thải sinh hoạt đang rất bức xúc, góp phần đạt tiêu chí môi trường trong việc xây dựng nông thôn mới cho các địa phương, phần ngăn ngừa ô nhiễm môi trường.	182.132		182.132			2021-2024	04 năm	Dự kiến bố trí vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025
<b>II</b>	<b>Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH</b>					<b>285.894</b>	<b>-</b>	<b>168.058</b>	<b>-</b>	<b>117.836</b>			
1	Xây dựng mở rộng khu điều trị nội trú (nội trú 2) Bệnh viện Đa khoa trung tâm An Giang	LX	BV ĐKTT AG	Tổng diện tích khu đất: 898 m <sup>2</sup> ; Xây dựng mới: 10.776 m <sup>2</sup> ; trang thiết bị y tế.	- Công trình sau khi hoàn thành nhằm phục vụ nhu cầu khám và chữa bệnh cho nhân dân, giải quyết tình trạng quá tải tại các khoa, thực hiện công bằng và hiệu quả trong việc tạo điều kiện người bệnh tiếp cận và sử dụng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe có chất lượng.	180.982		63.146		117.836	2020-2024	05 năm (trong đó năm 2020 bố trí vốn CBĐT, năm 2021-2024 bố trí vốn thực hiện dự án)	Ngân sách tỉnh bố trí giai đoạn 2021-2025 là 56.831 triệu đồng (90% NST hỗ trợ)
2	Mở rộng Bệnh viện Tim mạch An Giang (giai đoạn 2)	LX	Ban QLDA ĐTXD và KVPTĐT AG	Tổng diện tích khu đất: 3.907 m <sup>2</sup> ; Tháo dỡ hiện trạng Xây dựng mới: Khối điều trị nội trú (140 giường), công trình phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật; Trang thiết bị theo công trình.	Công trình sau khi hoàn thành sẽ đáp ứng nhu cầu cơ sở vật chất, tạo điều kiện khám và chữa bệnh cho nhân dân trong vùng và các vùng tiếp giáp lân cận.	104.912		104.912			2024-2027	04 năm	Ngân sách tỉnh bố trí giai đoạn 2021-2025 là 47.210 triệu đồng; giai đoạn 2026-2030 là 47.210 triệu đồng (90% NST hỗ trợ)
<b>III</b>	<b>CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ</b>					<b>2.558.726</b>	<b>1.622.242</b>	<b>936.484</b>	<b>0</b>	<b>0</b>			

Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện	Dự kiến kế hoạch vốn bố trí
						Vốn NS TW hỗ trợ	Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thù lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)			
2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
<b>THƯƠNG MẠI</b>					245.445	129.200	116.245	0	0			
Trạm kiểm soát liên hợp cửa khẩu Quốc tế Vĩnh Xương	TC	Ban QLKKT	Tổng diện tích xây dựng 79.864m <sup>2</sup>	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng của hệ thống cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính biên giới đất liền Việt Nam – Campuchia theo mô hình thống nhất, hợp lý, đồng bộ phù hợp với từng loại cửa khẩu, đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và khu vực, tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước	245.445	129.200	116.245			2021-2024	04 năm	Dự kiến bố trí vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025
<b>GIAO THÔNG</b>					2.313.281	1.493.042	820.239	0	0			
Xây dựng tuyến đường liên kết vùng, đoạn từ thị xã Tân Châu đến thành phố Châu Đốc, kết nối với tỉnh Kiên Giang và Đồng Tháp	CD-TC	Ban QLDA ĐTXD CTGT	20,96km	Kết nối với tỉnh Kiên Giang và Đồng Tháp, góp phần thông tuyến Quốc lộ N1 kết nối các tỉnh Tây Nam bộ nằm trên trục hành lang biên giới kết nối các tỉnh Long An, Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang	2.139.102	1.493.042	646.060			2021-2024	04 năm	Dự kiến bố trí vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025
Tạo quỹ đất và xây dựng cơ sở hạ tầng để bố trí trụ sở cơ quan, đơn vị và tái định cư thuộc Khu quy hoạch Bắc Hà Hoàng Hồ	LX	Ban QLDA ĐTXD và KVPTĐT AG	1,9ha	Hoàn chỉnh hạ tầng đô thị, bố trí tái định cư và tạo quỹ đất xây dựng trụ sở cơ quan, đơn vị thuộc Khu quy hoạch Bắc Hà Hoàng Hồ	174.179		174.179			2021-2024	04 năm	Dự kiến bố trí vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025
<b>HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC</b>					73.339	-	73.339	-	-			
Trụ sở làm việc Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan trực thuộc	LX	Sở TNMT	Diện tích đất 3.946m <sup>2</sup> ; tổng diện tích sàn khối nhà chính là 7.322m <sup>2</sup> (tối đa 05 tầng), công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật	Để có diện tích làm việc đủ tiêu chuẩn, cơ sở vật chất khang trang, đảm bảo phục vụ tốt cho nhu cầu hoạt động, làm việc của cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên	73.339		73.339			2021-2024	04 năm	Dự kiến bố trí giai đoạn 2021-2025





PHỤ LỤC 02

ĐIỀU CHỈNH QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH VÀ DỰ ÁN NHÓM B SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG

(Đính kèm Báo cáo số: 99 /BC-HĐND ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Ban Kinh tế - ngân sách HĐND tỉnh An Giang)

DVT: Triệu đồng

STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Nghị quyết HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Chủ trương đầu tư đã được phê duyệt					Thời gian thực hiện trong giai đoạn	Tiến độ thực hiện dự kiến	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Nội dung đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư					Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện				
							Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư								Tổng mức đầu tư	Vốn NS TW hỗ trợ	Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay...)			Cơ cấu nguồn vốn đầu tư			
								Vốn NS TW hỗ trợ	Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay...)												Vốn NS TW hỗ trợ	Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay...)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23				
<b>TỔNG CỘNG</b>							1.561.542	664.656	526.978	50.000	319.908					1.489.385	551.482	664.288	63.766	209.849						
<b>A CHƯƠNG TRÌNH</b>							9.800	1.522	5.382	0	2.896					10.259	1.522	5.723	0	3.014						
1	Chương trình hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng của HTX nông, lâm, ngư nghiệp tỉnh An Giang, giai đoạn 2016 - 2020	PT, TS, CT	Liên minh HTX tỉnh	24/NQ-HĐND 08/12/2017; 24/NQ-HĐND 11/12/2019	04 HTX NN	Nhằm thúc đẩy hoạt động của HTX nông, lâm, ngư nghiệp hoạt động theo quy định của Luật HTX năm 2012, phát huy ưu thế của HTX kiểu mới, làm ăn có hiệu quả, góp phần phát triển nông nghiệp bền vững trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế. Tạo điều kiện thúc đẩy HTX NN tham gia sản xuất theo mô hình "Cánh đồng lớn" gắn với doanh nghiệp, thúc đẩy quá trình mua chung, bán chung trong HTX.	9.800	1.522	5.382	0	2.896	2016 - 2020	Hết năm 2020	04 HTX NN	Nhằm thúc đẩy hoạt động của HTX nông, lâm, ngư nghiệp hoạt động theo quy định của Luật HTX năm 2012, phát huy ưu thế của HTX kiểu mới, làm ăn có hiệu quả, góp phần phát triển nông nghiệp bền vững trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế. Tạo điều kiện thúc đẩy HTX NN tham gia sản xuất theo mô hình "Cánh đồng lớn" gắn với doanh nghiệp, thúc đẩy quá trình mua chung, bán chung trong HTX.	10.259	1.522	5.723	0	3.014	2016 - 2020	Hết năm 2020				
<b>B DỰ ÁN NHÓM B</b>							1.551.742	663.134	521.596	50.000	317.012	0				1.479.126	549.960	658.565	63.766	206.835						
<b>I QUỐC PHÒNG</b>							108.035	0	108.035	0	0					93.370	0	93.370	0	0						
1	Trung đoàn BB892 (giai đoạn xây dựng)	CP	Bộ CHQS tỉnh	24/NQ-HĐND 08/12/2017; 30/NQ-HĐND 07/12/2018	Khối trung đoàn, hạ tầng kỹ thuật, công trình phụ trợ và trang thiết bị	Đáp ứng nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu trong mọi tình huống, tạo thế trận phòng thủ vững chắc liên hoàn, từng bước xây dựng quân đội chính quy, tinh nhuệ, ngày càng vững mạnh và phát triển.	108.035	0	108.035	0	0	2016-2020	5 năm	Bổ sung khán đài cấp Trung đoàn, 02 đài quan sát phòng không, kho chứa; lát gạch vỉa hè; san lấp mặt bằng sân thể thao; hàng rào và một thiết bị khác	Nhằm củng cố hoàn thiện hệ thống công trình quốc phòng, giữ vững ổn định chính trị, quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội; Từng bước đáp ứng nhiệm vụ xây dựng lực lượng Quân đội chính quy, tinh nhuệ, hiện đại	93.370	0	93.370	0	0	2017-2021	5 năm				
<b>II BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG</b>							64.133	0	64.133	0	0					64.133	0	64.133	0	0						
1	Trang bị trạm quan trắc môi trường tự động tỉnh An Giang	LX, TC, CT, CP, PT, AP, TS, TT	Sở TNMT	24/NQ-HĐND 11/12/2019	Đầu tư các trang thiết bị lắp đặt cho 7 trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt, đầu tư nâng cấp 1 trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt, thiết bị trung tâm điều hành	Trang bị hoàn chỉnh hệ thống quan trắc tự động trên địa bàn tỉnh giúp quản lý, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường có hiệu quả	64.133	0	64.133	0	0	2019-2020	02 năm	Đầu tư trang bị cho 11 trạm quan trắc, nâng cấp 2 trạm quan trắc	Đánh giá chất lượng các thành phần môi trường, xem xét mức độ ô nhiễm, thu thập số liệu phục vụ quản lý môi trường.	64.133	0	64.133	0	0	2019-2021	03				



Loại vệc/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Chủ trương đầu tư đã được phê duyệt										Nội dung đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư								
			Nghị quyết HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Thời gian thực hiện trong giai đoạn	Tiến độ thực hiện dự kiến	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện
							Vốn NS TW hỗ trợ	Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thủy lợi phí, vốn DN, vốn vay,...)						Vốn NS TW hỗ trợ	Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thủy lợi phí, vốn DN, vốn vay,...)		
2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
<b>HOẠT ĐỘNG KINH TẾ</b>						1.379.574	663.134	349.428	50.000	317.012					1.321.623	549.960	501.062	63.766	206.835		
<b>HOẠT ĐỘNG CÔNG NGHIỆP</b>						102.486	90.000	12.486	0	0					79.093	50.000	29.093	0	0		
Xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Bình Giang (giai đoạn 1)	Châu Phú	Ban Quản lý Khu kinh tế	24/NQ-HĐND 08/12/2017	4.000m3/ngày đêm	Xử lý nước thải tập trung	102.486	90.000	12.486			2016-2020	05 năm	4.000m3/ngày đêm	Xử lý nước thải tập trung	79.093	50.000	29.093			đến năm 2021	06 năm
<b>HOẠT ĐỘNG NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN</b>						1.187.088	573.134	296.942	0	317.012					1.138.764	499.960	431.969	0	206.835		
Xây dựng và nhân rộng mô hình "Cánh đồng lớn" tỉnh An Giang giai đoạn 2016-2020	11 huyện, thị thành	Ban QLDA ĐTXD CT NN & PTNT	24/NQ-HĐND 08/12/2017	45 tiểu vùng, 36.292ha	Tạo vùng sản xuất lớn về sản lượng, đồng nhất về chất lượng của từng loại sản phẩm lúa gạo, Thay đổi tập quán canh tác truyền thống, chuyển sang hướng sản xuất mới	347.012	72.000	58.000		217.012	2016-2020	05 năm	37 tiểu vùng, 30.653ha	Tạo vùng sản xuất lớn về sản lượng, đồng nhất về chất lượng của từng loại sản phẩm lúa gạo, Thay đổi tập quán canh tác truyền thống, chuyển sang hướng sản xuất mới	328.835	72.000	80.000		176.835	2016-2022	07 năm
Đàm soát lũ vùng Tây sông Hậu, tỉnh An Giang	CT, TS	Ban QLDA ĐTXD CT NN & PTNT	24/NQ-HĐND 08/12/2017	14.400ha	Đề đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp vùng Tây sông Hậu tỉnh An Giang giai đoạn 2016 - 2020 và những năm về sau	400.076	167.000	133.076		100.000	2016-2020	05 năm	13,86 ha; 26 công hồ	Đề đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp vùng Tây sông Hậu tỉnh An Giang giai đoạn 2016 - 2020 và những năm về sau	352.070	167.000	155.070	0	30.000	2017-2022	06 năm
Xây dựng hệ thống thủy lợi vùng thích ứng với biến đổi khí hậu nhằm phục vụ tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp cho đồng bào vùng Bảy Núi, tỉnh An Giang	TT-TB	Ban QLDA ĐTXD CT NN & PTNT	07/NQ-HĐND 19/7/2018	05 Hồ chứa, 03 trạm bơm	Tăng cường khả năng tích trữ và điều tiết nước, chủ động tưới tiêu thông qua việc đầu tư xây dựng, nâng cấp các hồ chứa, giữ nước, hệ thống thủy lợi để cung cấp nước sinh hoạt, phục vụ phòng cháy chữa cháy rừng, sản xuất nông nghiệp trong mùa khô và điều tiết lũ trong mùa mưa, hạn chế ảnh hưởng, tác động tiêu cực của thiên tai, biến đổi khí hậu đang diễn biến theo chiều hướng bất lợi cho khu vực vùng cao Tịnh Biên và Tri Tôn, tỉnh An Giang	440.000	334.134	105.866			- GD1: 2017-2020 (336.826trđ) NSTW: 260.960trđ NSDP: 105.866trđ - GD2: sau năm 2020 (73.174trđ)	04 năm	03 Hồ chứa, 05 trạm bơm, 04 trạm biến áp (90,355 ha)	Tăng cường khả năng tích trữ và điều tiết nước, chủ động tưới tiêu thông qua việc đầu tư xây dựng, nâng cấp các hồ chứa, giữ nước, hệ thống thủy lợi để cung cấp nước sinh hoạt, phục vụ phòng cháy chữa cháy rừng, sản xuất nông nghiệp trong mùa khô và điều tiết lũ trong mùa mưa, hạn chế ảnh hưởng, tác động tiêu cực của thiên tai, biến đổi khí hậu đang diễn biến theo chiều hướng bất lợi cho khu vực vùng cao Tịnh Biên và Tri Tôn, tỉnh An Giang	457.859	260.960	196.899			2019-2021	03 năm
<b>HOẠT ĐỘNG GIAO THÔNG</b>						90.000	0	40.000	50.000	0					103.766	0	40.000	63.766	0		
Xây dựng liên xã Mỹ Khánh (từ cầu Ông Lưu đến cầu Cái Chiêng)	Long Xuyên	UBND TP Long Xuyên	24/NQ-HĐND 08/12/2017	5.325m	Nhằm đáp ứng nhu cầu giao thông được thông suốt, tránh ùn tắc giao thông, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của địa phương	90.000		40.000	50.000		2016-2020	05 năm	Đường 5.290,85m, 01 cầu, 03 công hộp và 06 công trôn	Hoàn thiện cơ sở hạ tầng giao thông phục vụ cho phát triển kinh tế địa phương, thúc đẩy kinh tế xã hội trong khu vực	103.766		40.000	63.766		2015-2022	07 năm



Số: 400/BC-HĐND

An Giang, ngày 01 tháng 12 năm 2020

## BÁO CÁO

### **Thẩm tra tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2021 (Lĩnh vực kinh tế - ngân sách)**

Thực hiện Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019 và phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh. Trên cơ sở Báo cáo số 752/BC-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh về tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2021.

Qua kết quả giám sát, ý kiến cử tri, ý kiến thảo luận Tổ đại biểu, ngày 26 tháng 11 năm 2020 Ban Kinh tế - ngân sách đã tiến hành họp để thẩm tra các nội dung liên quan đến lĩnh vực Ban phụ trách. Qua thảo luận, góp ý, Ban Kinh tế - ngân sách thống nhất trình HĐND tỉnh ý kiến như sau:

#### **I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KINH TẾ NĂM 2020:**

Từ đầu năm 2020 đến nay, trong khi đại dịch Covid-19 vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp trên toàn cầu và cả nước, nhưng tỉnh ta đã kiểm soát, ngăn ngừa không để xảy ra trường hợp nhiễm bệnh trên địa bàn. Thành công này đã thể hiện sự quyết tâm, ý chí thống nhất, hành động quyết liệt, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị với tinh thần “chống dịch như chống giặc” và sự chung sức, đồng lòng, nỗ lực vượt bậc của người dân và cộng đồng doanh nghiệp; thể hiện sức mạnh đoàn kết, truyền thống yêu nước, tinh thần tương thân, tương ái của dân tộc; củng cố vững chắc niềm tin của người dân vào sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước.

Bên cạnh tác động nặng nề của đại dịch Covid-19, tỉnh ta còn phải đối mặt với không ít khó khăn, thách thức của biến đổi khí hậu, thiên tai, hạn hán, xâm nhập mặn. Tuy nhiên, được sự quan tâm sâu sát, tập trung chỉ đạo của Tỉnh ủy; điều hành linh hoạt, quyết liệt của UBND tỉnh đã triển khai thực hiện có hiệu quả các chỉ đạo, các Nghị quyết của Chính phủ. Qua đó, đã giải quyết kịp thời các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, người lao động, người dân gặp khó khăn trong đại dịch Covid 19; tỷ lệ tăng trưởng GRDP ước thực hiện năm 2020 của tỉnh đạt 5,45% , tuy không đạt theo Nghị quyết HĐND tỉnh đề ra và thấp hơn so với cùng kỳ nhưng đây là thành tích rất đáng trân trọng và ghi nhận trong bối cảnh chung của cả nước.

Ban Kinh tế - ngân sách cơ bản nhất trí với những kết quả đạt được trong năm 2020 được nêu trong Báo cáo 752/BC-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2020



của UBND tỉnh. Tuy nhiên, Ban Kinh tế - ngân sách nhận thấy vẫn còn một số vấn đề cần quan tâm như sau:

*Một là*, những tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19 có thể kéo dài, tiềm ẩn nhiều nguy cơ, thách thức lớn đối với thương mại, đầu tư, tăng trưởng và các vấn đề xã hội của tỉnh nhà.

*Hai là*, việc tiếp cận các chính sách hỗ trợ của các đối tượng thụ hưởng về đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, chính sách tín dụng của Chính phủ và nhiều chính sách ưu đãi, hỗ trợ của tỉnh còn khó khăn với nhiều nguyên nhân.

*Ba là*, việc sáp nhập, giải thể các Hợp tác xã (HTX) yếu kém chưa được thực hiện dứt điểm theo kế hoạch đề ra.

*Bốn là*, việc thực hiện hợp đồng liên kết sản xuất tiêu thụ nông sản giữa doanh nghiệp với HTX chưa được nhân rộng; nhiều HTX được thành lập theo Chương trình Nông thôn mới chưa khẳng định được vị trí, phát huy vai trò kinh tế tập thể dẫn đến các HTX hoạt động chưa thật sự hiệu quả.

*Năm là*, vẫn còn các khu đất công nằm ngoài các quyết định của UBND tỉnh giao cho địa phương quản lý; công tác quản lý Nhà nước về đất công ở một số địa phương còn chưa chặt chẽ, hồ sơ địa chính chưa được cập nhật, chỉnh lý theo quy định, còn để xảy ra tình trạng tranh chấp, lấn chiếm đất công. Đặc biệt xảy ra các trường hợp giao đất công thực hiện các khu nhà ở công vụ không đảm bảo theo trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.

*Sáu là*, công tác phối hợp giữa các ngành trong quản lý, lập quy hoạch và thẩm định các dự án có thu hồi, sử dụng đất trồng lúa chưa chặt chẽ, thiếu tính khả thi, không đảm bảo nguồn lực để thực hiện nên vẫn còn tình trạng quy hoạch treo, nhiều dự án bị hủy bỏ sau 03 năm do không triển khai thực hiện.

*Bảy là*, mặc dù tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư đạt kết quả cao tuy nhiên vẫn còn nhiều dự án đã được bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn nhưng đến nay triển khai không đạt yêu cầu gây lãng phí nguồn vốn.

Tình trạng điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh còn diễn ra nhiều lần; các dự án điều chỉnh chủ trương đầu tư tăng nguồn vốn rất nhiều so với mức đầu tư ban đầu gây khó khăn cho công tác quản lý, phân bổ vốn trong kế hoạch đầu tư công.

*Tám là*, qua công tác quyết toán ngân sách năm 2019 nhận thấy tình trạng chuyển nguồn ngân sách sang năm sau còn rất lớn (số chuyển nguồn năm 2019 sang năm 2020 là 4.489.413 triệu đồng, chiếm 22,79% trên tổng thu ngân sách địa phương) làm mất đi cơ hội và gây ra tình trạng lãng phí vốn. Việc xử lý các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX theo các Báo cáo kiểm toán ngân sách địa phương năm 2016, năm 2018 tỉnh An Giang chưa được thực hiện dứt điểm.

Từ những vấn đề trên, Ban Kinh tế - ngân sách nhận thấy tại kỳ họp này cần thảo luận, phân tích, đánh giá kỹ hơn các vấn đề trên nhằm có những giải pháp tích cực để công tác chỉ đạo, điều hành đạt hiệu quả để thực hiện tốt hơn trong giai đoạn 2021 - 2025.



## II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2021:

Ban Kinh tế - ngân sách cơ bản thống nhất với các đánh giá về thuận lợi, khó khăn; các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 của UBND tỉnh. Tuy nhiên, Ban kinh tế - ngân sách đề nghị UBND tỉnh quan tâm một số nội dung đã được nêu ở phần đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết về kinh tế - xã hội năm 2020 và kiến nghị một số nội dung sau:

- Không chủ quan, tiếp tục thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các biện pháp phòng chống, giảm thiểu thiệt hại và hỗ trợ kịp thời cho doanh nghiệp, người lao động, người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 gây ra.

- Chỉ đạo các cấp, các ngành cần tiếp tục quyết liệt hành động, đổi mới cách làm; triển khai đồng bộ các nhiệm vụ và giải pháp hiệu quả thực hiện mục tiêu đề ra. Tập trung tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công; kích cầu tiêu dùng phù hợp với cân đối kinh tế của địa phương tạo nền tảng cho phát triển nhanh và bền vững trong giai đoạn tiếp theo.

- Xem xét ban hành các chế độ chính sách, đánh giá những tác động và có những giải pháp để HTX tiếp cận được các chính sách hỗ trợ phát triển. Đẩy nhanh việc sáp nhập, giải thể dứt điểm các HTX yếu kém trong năm 2020; việc thành lập mới các HTX phải tuân thủ theo quy định của Luật HTX năm 2012 nhằm đảm bảo hiệu quả hoạt động, khẳng định vị trí, vai trò quan trọng của kinh tế tập thể, HTX trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố phối hợp với các ngành liên quan rà soát, cập nhật chính xác diện tích đất công hiện đang được giao quản lý; số lượng, diện tích các khu đất công chưa được giao, kịp thời tham mưu ban hành quyết định giao bổ sung.

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện việc sắp xếp cơ sở nhà, đất của các cơ quan hành chính sự nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp; đồng thời có biện pháp quản lý và giám sát chặt chẽ nhằm đảm bảo việc sử dụng tài sản công đúng mục đích, có hiệu quả.

Có phương án đưa ra khai thác các khu đất công còn lại để thu hút đầu tư, tạo nguồn thu cho ngân sách.

Đồng thời, tiếp tục chỉ đạo các ngành, địa phương rà soát tất cả các trường hợp đưa ra khai thác đất công không qua hình thức đấu giá; việc sử dụng các nguồn thu phải đảm bảo đúng quy định và có biện pháp xử lý phù hợp nếu xảy ra sai phạm. Tổ chức thanh tra, kiểm tra và có giải pháp xử lý cụ thể, kế hoạch, lộ trình thực hiện đối với các trường hợp lấn chiếm, tranh chấp đất công xảy ra trên địa bàn, phạm vi quản lý.

- Trong chi đầu tư, cần xác định rõ mục tiêu, thứ tự ưu tiên trong kế hoạch đầu tư công trung hạn cũng như hằng năm. Công tác bố trí kế hoạch vốn đầu tư công phải thực hiện đúng theo quy định tại Luật Đầu tư công năm 2019, Luật Ngân sách nhà nước 2015, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7



năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ, Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020, Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản khác có liên quan.

- Có giải pháp hiệu quả trong công tác lập và trình phê duyệt dự án đầu tư công; tiếp tục nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn cho đội ngũ thực hiện công tác lập dự án, quy hoạch, hạn chế tối đa việc điều chỉnh nhiều lần các quyết định chủ trương đầu tư, nguồn vốn đầu tư, quy hoạch.

- Tiếp tục tăng cường kỷ luật tài chính - ngân sách nhà nước; bảo đảm công khai, minh bạch; tăng cường tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu; nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế, tập trung xử lý, thu hồi nợ đọng thuế, khai thác tốt nguồn thu tránh xảy ra tình trạng thất thu; bảo đảm thực hiện giải ngân đúng tiến độ và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công; triệt để tiết kiệm chi thường xuyên; đẩy nhanh việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Rà soát, sắp xếp lại các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách theo hướng tinh gọn, hiệu quả.

- Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương... xử lý dứt điểm các kiến nghị của Kiểm toán nêu tại Báo cáo kiểm toán ngân sách địa phương năm 2016, Báo cáo kiểm toán ngân sách địa phương năm 2018 tỉnh An Giang còn tồn đọng trong năm tài chính 2020. Có biện pháp kiên quyết xử lý đối với các cơ quan, đơn vị không thực hiện, thực hiện chậm trễ hoặc cố tình kéo dài thời gian thực hiện.

- Kiểm tra, đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường của các vùng nuôi cá tra trên địa bàn tỉnh và có biện pháp xử lý phù hợp.

- Tiếp tục theo dõi, cập nhật tình hình, thông tin và có giải pháp, phương án ứng phó kịp thời trong công tác phòng, chống hạn hán, xâm nhập mặn bảo vệ sản xuất; theo dõi sát sao tình trạng sạt lở bờ sông, có biện pháp di dời khẩn cấp, bố trí chỗ ở và chính sách hỗ trợ kịp thời cho người dân bị thiệt hại.

Trên đây là Báo cáo thẩm tra về tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, tình hình thu chi ngân sách nhà nước năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2021 về lĩnh vực kinh tế, Ban Kinh tế - ngân sách kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét. / *MT*

**Nơi nhận:**

- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa IX;
- Lưu : VT, Phòng Tổng hợp-Huy.



*Phan Thanh Tùng*  
**Phan Thanh Tùng**